TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/HS-PT
Ngày: 26/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Ngô Thị Hà

- *Các Thẩm phán:* Ông Lê Quốc Thành

Bà Hoàng Thị Nguyệt

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh thanh hóa tham gia phiên toà:* Ông Lê Công Chung - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 143/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024, do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 15/04/2024 của toà án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, theo quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử số 153/2024/QĐXXPT-HS ngày 02/7/2024.

Lê Thị H, sinh ngày 25 tháng 4 năm 1985 tại xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị H1; có chồng là Lê Văn Q và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/10/2023 đến ngày 10/01/2024 được thay thế Biện pháp ngăn chặn: Bảo lĩnh; có mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/10/2023, Cơ quan CSĐT nhận được Đơn trình báo của Lê Thị H2 về việc từ đầu năm 2023 có vay của Lê Thị H nhiều lần với số tiền hơn 2 tỷ đồng, mức lãi suất từ 3.000đ - 5.000đ/1 triệu/1 ngày và cung cấp những tài liệu có liên quan. Ngày 28/10/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét nhà H

và thu giữ tài liệu, đồ vật liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng. Cùng ngày H xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 08/2023, H cho H2 vay 8 lần, lãi suất dao động từ 109,5% - 182,5%:

- Ngày 24/02/2023 cho vay 600.000.000đ, đã trừ lãi trước 01 tháng tiền lãi là 72.000.000đ nên H2 chỉ nhận được 528.000.000đ. Đến ngày 01/3/2023, H2 đã trả tiền gốc 600.000.000đ. Số tiền thu lãi là 72.000.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 1.643.836đ, số tiền thu lợi bất chính 70.356.164đ.

- Ngày 03/3/2023 cho vay 450.000.000đ, ngày 03/5/2023 trả tiền gốc. Số tiền thu lãi là 104.000.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 15.041.096đ, số tiền thu lợi bất chính 88.958.904đ.

- Ngày 14/3/2023 cho vay 400.000.000đ. Ngày 24/3/2023 trả 400.000.000đ tiền gốc. Số tiền thu lãi là 16.000.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 2.191.780đ, số tiền thu lợi bất chính 13.808.220đ.

- Ngày 16/3/2023, cho vay 200.000.000đ. Cùng ngày đã trả 20 ngày tiền lãi là 16.000.000đ. Đến ngày 18/3/2023, đã trả tiền gốc 200.000.000đ. Số tiền thu lãi là 16.000.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 219.178đ, số tiền thu lợi bất chính 15.780.822đ.

- Ngày 31/3/2023 cho vay 250.000.000đ. Cùng ngày đã trả 10 ngày tiền lãi là 10.000.000đ. Tính đến ngày 28/8/2023, số ngày vay là 160 ngày, H2 phải trả 160.000.000đ tiền lãi, số tiền lãi tối đa được phép thu 21.917.808đ, số tiền thu lợi bất chính 138.082.192đ. Khoản vay này H2 chưa trả tiền gốc.

- Ngày 27/3/2023 cho vay 200.000.000đ, đã trừ lãi trước 10 ngày là 8.000.000đ. Đến ngày 30/3/2023, đã trả tiền gốc 200.000.000đ. Số tiền thu lãi là 8.000.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 328.767đ, số tiền thu lợi bất chính 7.671.233đ.

- Ngày 21/7/2023 cho vay 150.000.000đ, trừ lãi trước 10 ngày là 7.500.000đ. Tính đến ngày 28/8/2023, số ngày vay là 38 ngày. Số tiền thu lãi là 28.500.000đ số tiền lãi tối đa được phép thu 3.123.287đ, số tiền thu lợi bất chính 25.376.713đ. Khoản vay này H2 chưa trả tiền gốc.

- Ngày 04/8/2023 cho vay 150.000.000đ, trừ lãi trước 10 ngày là 7.500.000đ. Đến ngày 10/8/2023 trả tiền gốc 150.000.000đ. Số tiền thu lãi là 7.500.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 493.151đ, số tiền thu lợi bất chính 7.006.849đ.

Tổng số tiền H cho H2 vay là: 2.400.000.000đ, thu lợi bất chính 367.041.097đ. Hiện tại H2 đang nợ H 400.000.000đ, H chỉ tính lãi đến ngày 28/8/2023 đối với các khoản nợ này.

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2023 đến tháng 08/2023, H cho Lục Thị L vay 9 lần, lãi suất dao động từ 109,5% - 146%:

- Ngày 30/12/2022, cho vay 150.000.000đ, trừ lãi trước 12 ngày lãi số tiền 5.850.000đ. Đến ngày 18/01/2023, L chuyển số tiền 153.600.000đ (bao gồm

150.000.000đ tiền gốc và 3.600.000đ tiền lãi). Số tiền thu lãi là 9.450.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 1.561.644đ, số tiền thu lợi bất chính 7.888.356đ.

- Ngày 30/01/2023, cho vay 130.000.000đ, trả lãi 15 ngày cho H số tiền 7.800.000đ. Tính đến ngày 24/8/2023, số ngày vay là 206 ngày. Số tiền thu lãi là 107.120.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 14.673.973đ, số tiền thu lợi bất chính 92.446.027đ. Khoản vay này L chưa trả tiền gốc.

- Ngày 02/02/2023, cho vay 150.000.000đ, trừ lãi trước 10 ngày 6.000.000đ. Khoản vay này L trả tiền lãi đến ngày 03/3/2023 thì gộp với khoản vay lần thứ 5. Số ngày vay là 29 ngày, số tiền thu lãi là 17.400.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 2.383.562đ, số tiền thu lợi bất chính 15.016.438 đ.

- Ngày 13/02/2023, cho vay 700.000.000đ, trừ lãi trước 10 ngày 28.000.000đ. Đến ngày 19/02/2023, L đã trả tiền gốc 700.000.000đ. Số tiền thu lãi là 28.000.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 2.684.931đ, số tiền thu lợi bất chính 25.315.069đ.

- Ngày 03/3/2023, cho vay 150.000.000đ, trừ lãi trước 15 ngày và trả lãi 15 ngày của khoản vay 150.000.000đ ngày 02/02/2023 số tiền 18.000.000đ. Khoản vay này gộp với khoản vay 150.000.000đ thành khoản vay 300.000.000đ, lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày. Khoản vay này, L đều đặn trả lãi, đến ngày 17/3/2023, L đến nhà H trả cho Q (chồng H) 150.000.000đ tiền gốc và nợ lại 150.000.000đ, tiếp tục trả lãi số tiền này đến ngày 17/7/2023.

Tính đến ngày 17/3/2023, H đã thu của L 14 ngày tiền lãi là 17.400.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 2.301.370đ, số tiền thu lợi bất chính 15.098.630đ.

Đến ngày 17/7/2023, L chuyển số tiền 68.000.000đ vào tài khoản của H. Trong đó, trả 50.000.000đ tiền gốc của khoản vay ngày 03/3/2023 (còn nợ lại 100.000.000đ), 6.000.000đ tiền lãi của khoản vay 100.000.000đ ngày 10/3/2023 và 12.000.000đ là tiền lãi của khoản vay 200.000.000đ ngày 06/5/2023.

Tính đến ngày 17/7/2023, số ngày vay là 120 ngày, số tiền thu lãi là 72.000.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 9.863.014đ, số tiền thu lợi bất chính 62.136.986đ

Đối với khoản vay này (còn nợ lại 100.00.000 đ), H tiếp tục tính lãi đến ngày 24/8/2023, số ngày vay là 38 ngày. Số tiền thu lãi là 15.200.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 2.082.192đ, số tiền thu lợi bất chính 13.117.808đ.

- Ngày 10/3/2023, cho vay 100.000.000đ, trừ lãi trước 15 ngày 6.000.000đ. Đến ngày 24/3/2023 trả 100.000.000đ tiền gốc. Số tiền thu lãi là 6.000.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 767.123đ, số tiền thu lợi bất chính 5.232.877đ.

- Ngày 13/3/2023, cho vay 150.000.000đ, trừ lãi trước 15 ngày 6.750.000đ. Đến ngày 12/4/2023 trả 150.000.000đ tiền gốc. Số tiền thu lãi là 13.500.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 2.465.753đ, số tiền thu lợi bất chính 11.034.247đ.

- Ngày 14/4/2023, cho vay 400.000.000đ, trừ lãi trước 15 ngày 24.000.000đ, tính lãi đến ngày 24/8/2023, số ngày vay là 132 ngày. Số tiền thu lãi là

211.200.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 28.931.506đ, số tiền thu lợi bất chính 182.268.494đ. Số tiền này L chưa trả.

- Ngày 06/5/2023, cho vay 200.000.000đ, trừ lãi trước 15 ngày 12.000.000đ, tính lãi đến ngày 24/8/2023, số ngày vay là 111 ngày. Số tiền thu lãi là 88.800.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu 12.164.383đ, số tiền thu lợi bất chính 76.635.617đ.

Đối với các khoản vay trên, L trả lãi cho H, đến khoảng tháng 8/2023. Tổng số tiền gốc mà L còn nợ H là 830.000.000đ. Ngày 24/8/2023 L viết một giấy vay tiền với nội dung nợ số tiền là 875.000.000đ. Trong đó H tính cho L số tiền gốc còn nợ lại là 830.000.000đ và 48.000.000đ tiền lãi chưa trả (H bớt 3.000.000đ tiền lãi).

Ngày 30/8/2023, H yêu cầu L viết một giấy vay tiền số tiền nợ là 1.030.000.000đ. Số tiền này H tính cho L là gốc của khoản vay 875.000.000đ ngày 24/8/2023 và 155.000.000đ là tiền lãi đến ngày hẹn trả là 30/11/2023. Từ ngày 24/8/2023 đến ngày 30/11/2023, số ngày vay là 98 ngày, là 155.000.000đ tiền lãi, tương đương 65,9%. Vì vậy khoản vay này không thoả mãn hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 BLHS.

Tổng số tiền H cho L vay là: 2.130.000.000đ, thu lợi bất chính 506.190.549đ. Hiện L đang nợ H 830.000.000đ.

Tổng số tiền H cho H2 và L vay là: 4.530.000.000đ, thu lợi bất chính 873.231.646đ.

Quá trình cho vay nợ và thanh toán tiền gốc, tiền lãi, H sử dụng tài khoản ngân hàng M số 198577799999 để giao dịch với L, H2. Đồng thời, H còn yêu cầu L và H2 viết giấy vay nợ, cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 29/02/2024 H đã trả lại số tiền lãi quá quy định pháp luật cho L 506.000.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2024/HS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã áp dụng khoản 2 Điều 201; Điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Xử phạt: Bị cáo H 08(tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ tạm giam từ ngày 28/10/2023 đến ngày 10/01/2024, phạt bổ sung 30.000.000đ. Ngoài ra bản án còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/4/2024 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo giữ nguyên yêu cầu nội dung.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Bị cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Tại cấp phúc thẩm bị cáo giao nộp thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS, chấp nhận kháng cáo của bị cáo

Lê Thị H, sửa bản án sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 15/04/2024 của Tòa án nhân huyện T, tỉnh Thanh Hóa, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo không phải chịu án phí HSPT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hình thức:* Đơn kháng cáo Lê Thị H nộp trong thời hạn luật định hợp lệ, được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về hành vi phạm tội:* Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Trong thời gian từ cuối năm 2022 đến tháng 8/2023, bị cáo Lê Thị H đã cho chị Lê Thị H2 và chị Lục Thị L vay tổng số tiền các lần vay là 4.530.000.000đ với mức lãi suất đã thu từ 109,5% đến 182,5%, cao gấp 5,475 đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất (20%) mà BLDS quy định. Tổng số tiền thu lời bất chính là 873.231.646đ. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử đối với bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Bị cáo nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết về nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phạt bị cáo H 08 tháng tù là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo giao nộp tình tiết giảm nhẹ TNHS mới: có bố đẻ là Lê Văn X có thành tích trong công tác được Bộ trưởng bộ C tặng Huy chương " Bảo vệ an ninh Tổ Quốc"; có bố chồng là Lê Ngọc L1 là người có công trong kháng chiến được thưởng nhiều Huân, Huy chương, Bằng khen; quá trình sinh sống tích cực tham gia công tác từ thiện, ủng hộ xây dựng công trình phúc lợi…được chính quyền địa phương xác nhận, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 BLHS giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí HSPT.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Thị H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 15/04/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; Điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 BLHS. Điểm h khoản 2 Điều 23 NQ z326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị H 8 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Lê Thị H không phải chịu án phí HSPT.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà nội;
- VKS Cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- TAND huyện Thọ Xuân;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Thị Hà